TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 48/2023/DS-ST Ngày: 12/9/2023 V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Công Đạt;

2. Ông Y Mưng Niê. .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 12/6/2023 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thu H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C.

Địa chỉ: Buôn Đr, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày*:** Do chỗ quen biết nên tôi có cho bà C vay tiền; hai bên tính toán lại số nợ và ký giấy vay tiền xác nhận số nợ với nhau; cụ thể: Ngày 10/01/2022 nợ 153.000.000 đồng, hẹn ngày 10/10/2022 trả, lãi 2,5%/tháng. Ngày 18/4/2023 nợ 12.000.000 đồng. Đối với số tiền 153.000.000 đồng

bà C chỉ trả được tiền lãi còn gốc chưa trả được. Nay do bà C bán rẫy cho người khác, tôi yêu cầu trả nhưng bà C không chịu trả. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu bà C phải trả cho tôi tổng số tiền gốc là 153.000.000 đồng + 12.000.000 đồng = 165.000.000 đồng; nợ lãi của nợ gốc 153.000.000 đồng là 12.240.000 đồng (153.000.000 đồng x 1.6%/tháng x 05 tháng (tính từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2023)) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Tôi đề nghị tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Tôi và bà Phạm Thị Thu H có quen biết từ lâu. Quá trình quen biết tôi có vay tiền của bà H; đến đầu năm 2022 hai bên tính toán thống nhất số tiền nợ gốc là 153.000.000 đồng; tôi có ký giấy nợ với bà H, hẹn đến ngày 10/10/2022 trả, lãi suất 2,5%/tháng; số nợ này tôi đã trả được lãi của năm 2022 còn lãi của năm 2023 và gốc 153.000.000 đồng chưa trả được. Ngày 18/4/2023 tôi có nợ thêm số tiền 12.000.000 đồng. Nay do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên tôi chưa trả được cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi trả tổng số tiền gốc là 153.000.000 đồng + 12.000.000 đồng = 165.000.000 đồng; nợ lãi của nợ gốc 153.000.000 đồng là 12.240.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ thì tôi đồng ý thừa nhận có nợ của bà H tổng nợ gốc là 165.000.000 đồng nhưng xin trả dần, bán rẫy được thì tôi trả 30.000.000 đồng; còn lãi thì xin không phải trả. Còn đối với việc áp dụng biện pháp "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" đối với tài sản của tôi thì tôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp

này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị C phải trả tổng số tiền 177.240.000 đồng; Trong đó, nợ gốc là 165.000.000 đồng, nợ lãi là 12.240.000 đồng (153.000.000 đồng x 1.6%/tháng x 05 tháng (tính từ ngày 11/01/2023 đến ngày 11/6/2023)) và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa bà H và bà C có quan hệ vay tiền với nhau được thể hiện tại Giấy nợ ngày 10/01/2022 và Giấy nợ ngày 18/4/2023. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, các bên đã thống nhất được với nhau số nợ gốc, bà C còn nợ của bà H tổng số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy nợ ngày 10/01/2022 thể hiện thời hạn trả vào ngày 10/10/2022 và lãi suất 2,5%/tháng nên thuộc trường hợp vay có thời hạn, có thoả thuận lãi. Bà H yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc 153.000.000 đồng với mức lãi suất 1,6%/tháng kể từ ngày 11/01/2023 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; tính đến ngày xét xử ngày 12/9/2023 lãi được tính như sau:

153.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 08 tháng (tính từ ngày 11/01/2023 đến ngày 12/9/2023) = 19.584.000 đồng.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà C phải trả cho bà H số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 12/9/2023: 165.000.000 đồng + 19.584.000 đồng = 184.584.000 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 288; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 357; khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2023/QĐ-BPKCTT ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đối với ½ quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 67, diện tích 5550m^2, tọa lạc tại xã Cư Pơng, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769670 do Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp ngày 22/02/2013, đứng tên ông Lê Trung D, bà Nguyễn Thị C để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về án phí: Bị đơn bà C phải chịu số tiền (184.584.000 đồng x 5%) 9.229.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà H số tiền 4.430.000 đồng tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 288; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 357; khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 19 Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H tổng số tiền 184.584.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 165.000.000 đồng, nợ lãi 19.584.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2023/QĐ-BPKCTT ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đối với ½ quyền sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 67, diện tích 5550m^2, tọa lạc tại xã Cư Pơng, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 769670 do Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk cấp ngày 22/02/2013, đứng tên ông Lê Trung D, bà Nguyễn Thị C để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

Bị đơn phải chịu số tiền 9.229.200 án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H số tiền 4.430.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp theo Biên lai số AA/2022/0000423 ngày 09/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Thái Văn Hải